

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 3268 /QĐ-ĐHCT ngày 23 tháng 6 năm 2026
của Giám đốc Đại học Cần Thơ)

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Ngành: **Truyền thông đa phương tiện** (Multimedia Communications) Mã ngành: **7320104**
Số lượng tín chỉ: 161 tín chỉ Thời gian đào tạo: 4,5 năm Loại văn bằng: Kỹ sư
Hình thức: đào tạo chính quy, đào tạo thường xuyên
Phương thức tổ chức đào tạo: trực tiếp, từ xa, kết hợp giữa trực tiếp và từ xa
Đơn vị quản lý: Khoa Truyền thông đa phương tiện, Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu đào tạo chung

Chương trình ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học đào tạo những kỹ sư có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, và trách nhiệm với xã hội; được trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên môn toàn diện, có khả năng vận dụng hiệu quả các công cụ thiết kế, công nghệ số và giải pháp truyền thông hiện đại để giải quyết các yêu cầu thực tế trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Sinh viên có tư duy sáng tạo và đổi mới, khả năng thích ứng với thị trường lao động số, đáp ứng yêu cầu phát triển bản thân và đóng góp vào kinh tế – xã hội vùng, quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể (PEOs)

Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học định hướng người học sau khi tốt nghiệp có những kỹ năng và phẩm chất như sau:

- Kiến thức về xã hội, pháp luật, quốc phòng - an ninh, trình độ lý luận chính trị; có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, ý thức xã hội, nghề nghiệp theo các qui định hiện hành (PEO1);
- Kiến thức và kỹ năng cơ bản về báo chí, truyền thông và công nghệ thông tin để vận dụng trong ngành Truyền thông đa phương tiện, có đủ năng lực học tập nâng cao ở các lĩnh vực liên quan và trình độ sau đại học (PEO2);
- Năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng chuyên sâu để phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp truyền thông đa phương tiện của một tổ chức hay cá nhân (PEO3);
- Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, năng lực ngoại ngữ, tác phong chuyên nghiệp, tư duy sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động toàn cầu và học tập suốt đời (PEO4).

3. Chuẩn đầu ra (PLOs)

Hoàn thành chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện trình độ đại học, người tốt nghiệp có khả năng:

3.1 Kiến thức

3.1.1 Khôii kiến thức giáo dục đại cương

- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật trong phân tích và giải quyết các vấn đề truyền thông (PLO1);
- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh trong học tập và hoạt động nghề nghiệp (PLO2);

c. Áp dụng hiệu quả các kiến thức nền tảng về truyền thông và công nghệ thông tin trong sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện và đáp ứng yêu cầu về năng lực số (PLO3).

3.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Phân tích và vận dụng được kiến thức nền tảng về truyền thông số, quảng cáo, tiếp thị, và quy trình sáng tạo sản phẩm đa phương tiện trong phát triển tư duy chuyên môn (PLO4);

b. Kết hợp và ứng dụng được kiến thức cơ sở về kỹ thuật đồ họa, nhiếp ảnh, quay phim, biên tập nội dung audio và video, kỹ thuật công nghệ liên quan trong thực hành và nâng cao kỹ năng chuyên ngành (PLO5).

3.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Kết hợp và áp dụng được kiến thức chuyên môn về nội dung, hình thức thể hiện và đặc điểm truyền thông trong hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực báo chí và truyền thông số. (PLO6);

b. Phân tích và vận dụng được kiến thức chuyên môn về thiết kế đồ họa, thẩm mỹ thị giác, quy trình và công nghệ số trong sản xuất sản phẩm truyền thông đa phương tiện (PLO7).

3.2 Kỹ năng

3.2.1 Kỹ năng cứng

a. Thực hiện thành thạo các sản phẩm truyền thông trong lĩnh vực báo chí, truyền thông sự kiện và phát triển thương hiệu trên các nền tảng số, phù hợp với mục tiêu và bối cảnh truyền thông hiện đại (PLO8);

b. Thiết kế hiệu quả các sản phẩm đồ họa, truyền thông thị giác, hệ thống nhận diện thương hiệu và quảng cáo số, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với công nghệ hiện đại (PLO9);

c. Phát triển linh hoạt các giải pháp truyền thông đa phương tiện phù hợp với môi trường số đa nền tảng và xu hướng chuyển đổi số (PLO10).

3.2.2 Kỹ năng mềm

a. Sử dụng được một ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam trong giao tiếp, truyền đạt thông tin và nâng cao hiệu quả công việc nghề nghiệp (PLO11);

b. Vận dụng hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp và phát triển cá nhân như lập kế hoạch, làm việc nhóm, phản biện, giải quyết vấn đề, lãnh đạo và khởi nghiệp trong bối cảnh thực tiễn và vì lợi ích cộng đồng (PLO12).

3.3 Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Áp dụng chủ động và có trách nhiệm các kỹ năng chuyên môn trong làm việc độc lập và trong hướng dẫn, phối hợp, giám sát người khác khi làm việc nhóm (PLO13);

b. Thể hiện năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp qua khả năng tự định hướng, bảo vệ quan điểm chuyên môn, duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp, tinh thần cải tiến và học tập suốt đời (PLO14).

4. Vị trí việc làm của người tốt nghiệp

- Chuyên viên biên tập, quản trị báo điện tử, các kênh truyền thông số, tiếp thị số.
- Chuyên viên thiết kế, tư vấn quảng cáo, thiết kế nhãn hiệu, làm phim quảng cáo.
- Chuyên viên/Giám đốc tổ chức sự kiện, chuyên viên truyền thông trực tiếp và trực tuyến.
- Biên tập viên truyền hình; chuyên viên xử lý âm thanh, hình ảnh, thiết kế các nội dung truyền hình.
- Kỹ sư phần mềm, lập trình viên phát triển các ứng dụng Web.

- Giảng viên ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp đào tạo về Truyền thông đa phương tiện và Công nghệ Thông tin.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hình thành thói quen học tập suốt đời, có khả năng tự cập nhật kiến thức về các công nghệ mới trong lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện và Công nghệ thông tin.

- Đáp ứng được yêu cầu học tập trình độ sau đại học ở các trường đào tạo trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực Truyền thông đa phương tiện và Công nghệ thông tin.

6. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

- Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học;

- Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Hướng dẫn viết chuẩn đầu ra (Guide to Learning Outcomes) của Trường Đại học Birmingham, Anh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học khoa học xã hội và Nhân văn, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Công nghệ thông tin và truyền thông, Đại học Thái Nguyên.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học FPT, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Gia Định, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Trường Đại học Công nghệ, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Truyền thông đa phương tiện Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, TP. Hồ Chí Minh.

- Chương trình đào tạo ngành Multimedia Communication, Indiana Wesleyan University, USA (<https://www.indwes.edu/program/division-of-modern-language-literature-and-communication/ba-multimedia-communication>).

- Chương trình đào tạo ngành Multimedia Communication, Millikin University, USA (<https://www.millikin.edu/school-art-creative-media/area-of-study/multimedia-communication-bs-ba>).

- Chương trình đào tạo ngành Multimedia Communication (khóa học năm 2024), Collegium Civitas, Poland (<https://civitas.edu.pl/en/academic-offer/multimedia-communication-ba-full-time-english/programme-multimedia-communication-ba-full-time-english>).

7. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		24	21	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	AV	10 AV hoặc PV	60			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	PV		60			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008
18	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
19	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
20	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
21	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
22	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	
23	KL010E	Pháp luật đại cương và quyền con người	2	2		30			
24	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			
25	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
26	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
27	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
28	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
29	KN001E	Kỹ năng mềm	2			20	20		
30	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
31	CT005	Nền tảng công nghệ số	4	4		30	60		
32	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20		
33	CT083	Ngôn ngữ truyền thông	2	2		30			
34	CT043	Nghệ thuật học đại cương	2	2		30			
35	XH446	Tổ chức sự kiện	2	2		30			
36	XH447	Quan hệ công chúng	2	2		30			
Cộng: 50 TC (Bắt buộc 35 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
37	KL100	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	2		30			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
38	CT044	Nguyên lý thiết kế đồ họa	2	2		20	20		
39	CT045	Biên tập truyền thông	2	2		20	20		
40	CT046	Kỹ thuật nhiếp ảnh	2	2		15	30		
41	CT047	Kỹ thuật quay phim	2	2		15	30		
42	CT194	Biên tập Audio và Video	2	2		15	30		
43	CT048	Digital Marketing căn bản	3	3		30	30		
44	CT049	Cơ sở dữ liệu trong Truyền thông đa phương tiện	3	3		30	30		
45	CT094	Quy trình sáng tạo sản phẩm đa phương tiện	3	3		30	30		
46	CT084	Cơ sở kỹ thuật đồ họa	2	2		15	30		
47	CT061	Nền tảng Kỹ xảo điện ảnh	3	3		30	30		
48	CT509	Truyền thông trên Internet	3	3		30	30		
49	CT085	Nhập môn Truyền thông đa phương tiện	3	3		40	10		
50	CT196	Dựng hình 2D/3D	3	3		30	30		
51	CT086	Nhập môn Web Đa phương tiện	3	3		30	30		
52	CT062	Nhập môn Lập trình đa phương tiện	2	2		15	30		
53	CT063	Tiền kỳ trong điện ảnh	3	3		30	30		
Cộng: 43 TC (Bắt buộc 43 TC; Tự chọn: 0TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
54	CT499	Thiết kế UI/UX	3	3		30	30		
55	CT093	Kỹ xảo điện ảnh	3	3		30	30		
56	CT095	Dự án phim hoạt hình 3D	3	3		30	30		
57	CT096	Tiếp thị nội dung	3	3		30	30		
58	CT581	Thực hành sản xuất chương trình	2	2			60		
59	CT523	Phát triển ứng dụng Web đa phương tiện	3		3	30	30		
60	CT524	Hệ thống quản trị nội dung	3			30	30		
61	CT525	Thực tế tăng cường	3	3		30	30		
62	CT527	Thiết kế đồ họa ứng dụng quảng cáo thương hiệu	3	3		30	30		
63	CT528	Phát triển trò chơi đa phương tiện	3	3		30	30		
64	CT529	Quản trị dự án Truyền thông đa phương tiện	3	3		30	30		
65	CT530	Chuyên đề báo chí Văn hóa	2		2	30			
66	CT531	Chuyên đề báo chí Sự kiện	2			30			
67	CT532	Chuyên đề báo chí Du lịch	2			30			
68	CT195	Thiết kế ấn phẩm báo chí	2	2		30			
69	CT495	Dựng phim hoạt hình	3	3		30	30		
70	CT496	Kịch bản truyền hình	3	3		30	30		
71	CT497	Thiết kế quảng cáo truyền hình	3	3		30	30		
72	CT500E	Niên luận cơ sở - TTDPT	3	3			90	≥ 80 TC	
73	CT502E	Niên luận - TTDPT	3	3			90	≥100 TC	
74	CT508E	Thực tập doanh nghiệp - TTDPT	5	5			150	≥120 TC	
75	CT557E	Luận văn tốt nghiệp - TTDPT	15		15		450	≥120 TC	
76	CT521E	Tiểu luận tốt nghiệp - TTDPT	6				180	≥120 TC	
77	CT526	Triển khai ứng dụng Thương mại điện tử	3			30	30		
78	CT533	Kỹ năng biên tập	3			30	30		
79	TV333E	Xuất bản điện tử	2			30			
80	CT534	Thiết kế nhãn hiệu	2			15	30		
81	CT535	Tiếp thị trên mạng xã hội	3			30	30		
82	CT536	Kịch bản truyền thông	3			30	30		
83	TV319	Kinh doanh xuất bản phẩm	2			30			
84	CT537	Thực tế báo chí	2				60		

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HP song hành
85	CT538	Kỹ năng truyền thông giao tiếp	3			30	30		
86	CT190E	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2			20	20		
Cộng: 68 TC (Bắt buộc: 48 TC; Tự chọn: 20 TC)									
Tổng cộng: 161 TC (Bắt buộc: 126 TC; Tự chọn: 35 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

ĐẠI HỌC CẦN THƠ
GIÁM ĐỐC



Trần Trung Tính

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Hải

TRƯỜNG CNTT VÀ TT
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Hòa